

Nova **WORLD**
PHAN THIET

Ocean **RESIDENCE**



I. CHÍNH SÁCH LỊCH THANH TOÁN

STT	NGÀY	THANH TOÁN VAY ĐẶC BIỆT (PA4)	GHI CHÚ
1	VBTT	5%	Bao gồm tiền cọc 200 triệu
2	15/08/2022	10%	
3	30/08/2022	50%	Đối với PA vay ngân hàng: - Khách hàng chứng minh thu nhập nhận nợ ngân hàng 50%. Công ty HTLS & phí tất toán đến tháng 9/2024 với lãi suất tối đa 9.5%/năm
4	15/12/2022	5%	
5	15/09/2024	25%	Dự kiến bàn giao nhà thô (+- 6 tháng)
6	NHẬN SỔ	5%	
TỔNG CỘNG		100%	

II. ƯU ĐÃI CHƯƠNG TRÌNH BÁN HÀNG

2.1. CHƯƠNG TRÌNH TRI ÂN KHÁCH HÀNG TỚI THAM QUAN NOVALAND GALLERY

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG	ƯU ĐÃI	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
Mỗi KH đến tham quan sân Novaland Gallery và có sử dụng nhà hàng FnB của Tập đoàn (có hình chụp và bill thanh toán) check in sẽ được voucher định danh.	100.000.000 VNĐ/SP	- Voucher định danh - Voucher sẽ được trừ trực tiếp vào giá khi khách hàng đặt cọc. - Voucher được áp dụng cho vợ hoặc chồng hoặc cả vợ + chồng (không cộng gộp) khi mua 1 sản phẩm.

2.2 CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI NHÓM KHÁCH HÀNG

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG	ƯU ĐÃI	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
Khách hàng có hộ khẩu từ Quảng Nam trở ra Bắc	2%	- Khách hàng cung cấp hộ khẩu hoặc giấy phép ĐKKD (có thể sử dụng bản chụp - photo) - Khách hàng được chọn 1 trong 2 ưu đãi cao nhất (không cộng dồn 2 ưu đãi với nhau) - Ưu đãi trừ trực tiếp vào giá bán niêm yết (chưa bao gồm VAT hoặc bao gồm VAT phụ thuộc vào bảng giá niêm yết)
Hoặc khách hàng là chủ doanh nghiệp/ thành viên có tên trong giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp/ tổ chức kinh doanh hộ cá thể/ Có tên trong cổ đông Doanh Nghiệp.		

2.3 CHƯƠNG TRÌNH CỔ ĐÔNG ĐỒNG HÀNH CÙNG NOVALAND

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG	ƯU ĐÃI	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
Khách hàng tham gia mua CP mã NVL	1 Gói Cổ đông tương đương = 1.000 CP -> Tương ứng ưu đãi 3%	- Khách hàng bổ sung xác nhận sở hữu cổ phiếu trong vòng 7 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7 và Chủ Nhật, Ngày lễ Tết) kể từ ngày Đặt cọc - Giữ cổ phiếu liên lục trong vòng 24 tháng kể từ ngày Đặt cọc - Ưu đãi trừ trực tiếp vào giá bán niêm yết (chưa bao gồm VAT hoặc bao gồm VAT phụ thuộc vào bảng giá niêm yết) - Ưu đãi này áp dụng đồng thời với NovaLoyalty

2.4 CHƯƠNG TRÌNH LOYALTY “GẮN KẾT 30”

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	GIÁ TRỊ ƯU ĐÃI	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
Nhóm khách hàng là gia đình bao gồm vợ chồng, con cái ruột; tứ thân phụ mẫu - chụp hình đính kèm giấy tờ chứng minh mối quan hệ	2% /giá trị sản phẩm khi thoả điều kiện của Chương trình “Gắn kết 30”.	- Ưu đãi trừ trực tiếp vào giá bán không bao gồm VAT - Áp dụng đồng thời với Nova Loyalty/Key Account/SME/Club. - Ít nhất nhóm giao dịch (2 người trở lên) hoặc 1 khách hàng riêng biệt có giao dịch thành công từ 2 sản phẩm trở lên và tổng doanh số cộng dồn là từ 30 tỷ trở lên trên giá niêm yết. - Thực hiện giao dịch cùng thời điểm hoặc không quá 7 ngày tính từ khi giao dịch sản phẩm đầu tiên được đặt cọc/booking - Thực hiện hồi tố cho nhóm khách hàng trường hợp 1 trong 2 khách hàng không hoàn tất giao dịch - Giá bán sản phẩm cuối cùng sẽ được nhân đôi doanh số cộng dồn để nâng hạng thẻ NovaLoyalty (hạng tối đa được nâng là Platinum)
Hoặc hóm khách hàng là chung công ty hoặc đơn vị công tác - có bản xác nhận công tác của công ty hoặc hợp đồng lao động (bản copy)		
Hoặc hóm khách hàng là chung hội nhóm - các hội này được lập theo danh sách hội nhóm đang hợp tác với Tập đoàn - có xác nhận chủ tịch hội hoặc thẻ thành viên hội và bổ sung danh sách về PKD trước ngày 05/04/2022		

2.5 CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG NOVALOYALTY: Theo hạng thẻ của khách hàng

- Ưu đãi này sẽ được trừ trực tiếp vào giá bán chưa bao gồm VAT

2.6 ƯU ĐÃI QUÀ TẶNG TRI ÂN KHÁCH HÀNG

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG	QUÀ TẶNG	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG
Khách hàng mua sản phẩm	Buổi tiệc tri ân dành riêng cho khách hàng	- Khách hàng nhận được quà tặng sau khi khách hàng hoàn tất ký VBTT và thanh toán đợt 1 (các khoản lãi phát sinh nếu có) - Quy mô tiệc không quá 30 người - Thời gian và địa điểm tổ chức sẽ theo tư vấn và thống nhất giữ Khách hàng và Công Ty - Quà tặng không trừ vào giá bán

2.7 CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY NGÂN HÀNG

Lưu ý: Khách hàng phải xác định tại thời điểm ký Giấy đặt cọc không nhận ưu đãi hỗ trợ lãi suất hoặc nhận ưu đãi hỗ trợ lãi suất

HỖ TRỢ LÃI SUẤT TỪ CÔNG TY	HỖ TRỢ PHÍ TẮT TOÁN TRƯỚC HẠN
- Khách hàng được nhận hỗ trợ lãi suất tháng 9/2024 kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tối đa 9.5%/năm trên số tiền nhận nợ (tối đa 50% giá trị sản phẩm BĐS chưa bao gồm VAT). Nếu lãi suất vay ngân hàng cao hơn 9.5%/năm thì khách hàng sẽ thanh toán phần chênh lệch lãi suất - Áp dụng theo chính sách cho vay của Ngân hàng chủ đầu tư liên kết - Khách hàng được ân hạn gốc theo chính sách của Ngân hàng liên kết	- Hỗ trợ chi phí tắt toán khoản vay trước hạn tối đa 1.5% cho F1 tại tháng 9/2024 - F1 chuyển nhượng lại cho F2/ F2: Công ty không hỗ trợ phí tắt toán trước hạn.

III. TIÊU CHUẨN BÀN GIAO

Thô bên trong, hoàn thiện mặt ngoài

IV. QUY ĐỊNH CHUYỂN NHƯỢNG

- Đối với PA vay ngân hàng KH phải thanh toán đủ 65% (bao gồm phần giải ngân của Ngân hàng) mới được quyền chuyển nhượng.

V. THỜI GIAN ÁP DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

Từ ngày 11 tháng 06 năm 2022 cho đến khi có thông báo mới nhất

VI. DANH SÁCH SẢN PHẨM ĐƯỢC ÁP DỤNG GIỮ CHỖ CÓ ĐIỀU KIỆN

STT	PHÂN KHU	KÝ HIỆU SẢN PHẨM	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH SẢN SỬ DỤNG (M2)	LOẠI HÌNH SẢN PHẨM	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỰ KIẾN (CHƯA BAO GỒM VAT (VNĐ))
1	OCEAN	NWP.8.10-04.01	172.1	135.0	Townhouse	13,246,394,226
2	OCEAN	NWP.8.10-04.02	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
3	OCEAN	NWP.8.10-04.04	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
4	OCEAN	NWP.8.10-04.07	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
5	OCEAN	NWP.8.10-04.09	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
6	OCEAN	NWP.8.10-04.10	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
7	OCEAN	NWP.8.10-04.11	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
8	OCEAN	NWP.8.10-04.12	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
9	OCEAN	NWP.8.10-04.13	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
10	OCEAN	NWP.8.10-04.14	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
11	OCEAN	NWP.8.10-04.17	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
12	OCEAN	NWP.8.10-04.18	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
13	OCEAN	NWP.8.10-04.19	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
14	OCEAN	NWP.8.10-04.20	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
15	OCEAN	NWP.8.10-04.21	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
16	OCEAN	NWP.8.10-04.22	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
17	OCEAN	NWP.8.10-04.23	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
18	OCEAN	NWP.8.10-04.24	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
19	OCEAN	NWP.8.10-04.26	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
20	OCEAN	NWP.8.10-04.27	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
21	OCEAN	NWP.8.10-04.28	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
22	OCEAN	NWP.8.10-04.29	179.5	135.0	Townhouse	13,685,296,202
23	OCEAN	NWP.8.10-04.32	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
24	OCEAN	NWP.8.10-04.33	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660

STT	PHÂN KHU	KÝ HIỆU SẢN PHẨM	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH SẢN SỬ DỤNG (M2)	LOẠI HÌNH SẢN PHẨM	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỰ KIẾN (CHƯA BAO GỒM VAT (VNĐ))
25	OCEAN	NWP.8.10-04.34	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
26	OCEAN	NWP.8.10-04.37	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
27	OCEAN	NWP.8.10-04.39	176.0	230.0	Shophouse	16,202,336,846
28	OCEAN	NWP.8.10-04.40	176.0	230.0	Shophouse	16,202,336,846
29	OCEAN	NWP.8.10-04.41	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
30	OCEAN	NWP.8.10-04.42	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
31	OCEAN	NWP.8.10-04.43	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
32	OCEAN	NWP.8.10-04.44	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
33	OCEAN	NWP.8.10-04.46	176.0	230.0	Shophouse	16,115,347,265
34	OCEAN	NWP.8.10-04.49	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
35	OCEAN	NWP.8.10-04.50	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
36	OCEAN	NWP.8.10-04.53	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
37	OCEAN	NWP.8.10-04.54	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660
38	OCEAN	NWP.8.10-05.03	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
39	OCEAN	NWP.8.10-05.04	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
40	OCEAN	NWP.8.10-05.05	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
41	OCEAN	NWP.8.10-05.06	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
42	OCEAN	NWP.8.10-05.07	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
43	OCEAN	NWP.8.10-05.10	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
44	OCEAN	NWP.8.10-05.11	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
45	OCEAN	NWP.8.10-05.13	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
46	OCEAN	NWP.8.10-05.16	234.0	230.0	Shophouse	21,664,887,098
47	OCEAN	NWP.8.10-05.17	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
48	OCEAN	NWP.8.10-05.18	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
49	OCEAN	NWP.8.10-05.19	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070

STT	PHÂN KHU	KÝ HIỆU SẢN PHẨM	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (M2)	LOẠI HÌNH SẢN PHẨM	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỰ KIẾN (CHƯA BAO GỒM VAT (VNĐ))
50	OCEAN	NWP.8.10-05.20	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
51	OCEAN	NWP.8.10-05.22	132.0	230.0	Shophouse	14,310,313,468
52	OCEAN	NWP.8.10-05.23	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
53	OCEAN	NWP.8.10-05.24	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
54	OCEAN	NWP.8.10-05.25	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
55	OCEAN	NWP.8.10-05.26	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
56	OCEAN	NWP.8.10-05.27	132.0	230.0	Shophouse	13,879,623,070
57	OCEAN	NWP.8.10-05.28	225.8	230.0	Shophouse	21,089,371,941
58	OCEAN	NWP.8.10-06.01	212.1	135.0	Townhouse	15,828,501,993
59	OCEAN	NWP.8.10-06.02	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
60	OCEAN	NWP.8.10-06.03	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
61	OCEAN	NWP.8.10-06.04	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
62	OCEAN	NWP.8.10-06.05	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
63	OCEAN	NWP.8.10-06.06	160.0	135.0	Townhouse	12,370,567,313
64	OCEAN	NWP.8.10-06.08	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
65	OCEAN	NWP.8.10-06.09	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
66	OCEAN	NWP.8.10-06.10	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
67	OCEAN	NWP.8.10-06.11	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
68	OCEAN	NWP.8.10-06.13	120.0	135.0	Townhouse	9,819,423,537
69	OCEAN	NWP.8.10-06.14	204.5	135.0	Townhouse	15,370,225,065
70	OCEAN	NWP.8.10-06.15	212.1	135.0	Townhouse	15,304,340,343
71	OCEAN	NWP.8.10-06.16	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
72	OCEAN	NWP.8.10-06.17	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
73	OCEAN	NWP.8.10-06.18	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
74	OCEAN	NWP.8.10-06.19	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149

STT	PHÂN KHU	KÝ HIỆU SẢN PHẨM	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (M2)	LOẠI HÌNH SẢN PHẨM	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỰ KIẾN (CHƯA BAO GỒM VAT (VNĐ))
75	OCEAN	NWP.8.10-06.20	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
76	OCEAN	NWP.8.10-06.21	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
77	OCEAN	NWP.8.10-06.22	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
78	OCEAN	NWP.8.10-06.23	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
79	OCEAN	NWP.8.10-06.24	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
80	OCEAN	NWP.8.10-06.25	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
81	OCEAN	NWP.8.10-06.26	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
82	OCEAN	NWP.8.10-06.27	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
83	OCEAN	NWP.8.10-06.28	204.5	135.0	Townhouse	14,864,845,258
84	OCEAN	NWP.8.10-07.02	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
85	OCEAN	NWP.8.10-07.03	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
86	OCEAN	NWP.8.10-07.04	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
87	OCEAN	NWP.8.10-07.05	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
88	OCEAN	NWP.8.10-07.06	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
89	OCEAN	NWP.8.10-07.07	160.0	135.0	Townhouse	11,975,160,128
90	OCEAN	NWP.8.10-07.08	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
91	OCEAN	NWP.8.10-07.09	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
92	OCEAN	NWP.8.10-07.10	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
93	OCEAN	NWP.8.10-07.12	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
94	OCEAN	NWP.8.10-07.13	120.0	135.0	Townhouse	9,522,868,149
95	OCEAN	NWP.8.10-07.24	132.0	230.0	Shophouse	13,031,474,660

GIÁM ĐỐC KINH DOANH
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tâm